

Bản án số: **52/2019/HSST**

Ngày: **27/03/2019**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khanh và bà Phạm Thị T

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lý Thị Tường Nga- Cán bộ Toà
án nhân dân quận Long Biên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà:
Ông Lê Đăng Hùng- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 03 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, TP
Hà Nội mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2019/TLST- HS
ngày 13/03/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXX- ST ngày
15/03/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Hồng Q, sinh năm: 1995; HKTT: Số X phố L, phường
P, quận H, TP. Hà Nội, Chỗ ở: Không có chỗ ở cố định; Văn hóa: 6/12; Nghề
nghiệp: không; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm
Minh Q và bà: Vũ Thị H

01 Tiền án: Bản án số 43/2018/HSST ngày 22/03/2018, Toà án nhân dân quận
Hai Bà Trưng xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.
Ra trại ngày 13/05/2018.

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 18/12/2018. Hiện đang bị tạm giam tại trại giam số 2- Công an T phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Trịnh Thị Thu T, sinh năm: 1986; HKTT: Số X phố N, tổ Y phường N, quận L, TP. Hà Nội, Chỗ ở: Không có chỗ ở cố định; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trịnh Quang M và bà: Nguyễn Thị Tuyết N, chồng: Trần S H (đã ly hôn) có 02 con: Lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2012

01 Tiền án: Bản án số 68/2016/HSST ngày 12/04/2016, Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 18/12/2018. Hiện đang bị tạm giam tại trại giam số 2- Công an T phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Nguyên đơn dân sự: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một T viên H**

Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Toà nhà Phụ nữ, số 20 Nguyễn Đăng Giai, phường Thảo Điền, quận 2, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Bùi Ngọc S, sinh năm: 1981; chức vụ: Chuyên viên an ninh theo Giấy uỷ quyền số 774/2018/GUQ- SE ngày 18/12/2018 của ông Dmitry Mosolop, chức vụ : Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty)

(Anh S có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty cổ phần T

Trụ sở: Số 130 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận I, T phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Trần Quang K, chức vụ Trưởng phòng pháp chế theo Giấy uỷ quyền số 69/2018/TGDD/TGD ngày 15/10/2018 của ông Đoàn Văn Hiếu Em, chức vụ: Tổng giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật

(Anh K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Giang N, sinh năm 1992

HKTT: Số 14/466 phố Hoàng Hoa Thám, phường Bưởi, quận Tây Hồ, T phố Hà Nội

Chỗ ở: Phòng 720, CT5 X2 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội

(Anh N có mặt tại phiên toà)

3. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1991

HKTT: Thôn Hoà Bình, xã Đôn Nhân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

Chỗ ở: Khu ngoại giao đoàn, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, T phố Hà Nội

(Anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Anh Mai Thành Đ, sinh năm 1988

HKTT: Số 9 ngõ 35 phố Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, T phố Hà Nội

(Anh Đ vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15h ngày 18/12/2018, Công an phường Bồ Đề - Long Biên – Hà Nội nhận được tin báo về một nhóm đối tượng có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại cửa hàng Thế giới di động tại địa chỉ số 392 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, T phố Hà Nội gồm có:

1. Họ tên: Phạm Hồng Q, sinh năm: 1995

HKTT: Số 2 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. Họ tên: Nguyễn Giang N, sinh năm: 1992

HKTT: Số 14/466 Hoàng Hoa Thám, phường Bưởi, quận Ba Đình, Hà Nội

3. Họ tên: Trịnh Thị Thu T, sinh năm: 1986

HKTT: Số 272/25 Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội

4. Họ tên: Lê Huy H, sinh năm: 1995

HKTT: Số 292 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, Hà Nội

Tổ công tác đã tiến hành đưa các đối tượng trên về trụ sở để làm rõ sự việc. Tại cơ quan Công an, đã tiến hành thu giữ của Trịnh Thị Thu T: 02 điện thoại Nokia 105. Thu giữ của Q: 01 chiếc điện thoại Nokia – 1280 màu đen xanh; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đức T, SN: 27/4/1991, HKTT: Xã Đôn Nhân, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Thu giữ của N: 01 điện thoại Iphone 6s Plus màu hồng đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng không lắp sim, 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax màu vàng; 01 thẻ ATM mang tên N; 01 xe máy SH 125i màu đen BKS: 29F1 – 210.74; 01 giấy đăng ký xe máy mang tên Phan Thu Thanh và số tiền 9.445.000 đồng.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra, Trịnh Thị Thu T và Phạm Hồng Q khai nhận: T và Q có quen biết xã hội với nhau. Ngày 18/12/2018, do cần tiền tiêu xài nên Q và T cùng rủ nhau đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn như sau: Q đưa cho T 02 ảnh kích thước 02 x 03 cm là ảnh chân dung của Q để T dán vào 01 chiếc chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đức Th, SN: 1991, HKTT: Xã Đôn Nhân, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó T và Q mang theo chứng minh thư và giấy phép lái xe trên đến cửa hàng Thế giới di động tại: 392 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, Hà Nội. Q sử dụng Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe trên giả mạo là Nguyễn Đức T để làm thủ tục mua trả góp chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax có giá là: 33.900.000 đồng với số tiền phải trả trước là 16.995.000 đồng (50%) nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền phải trả góp sau khi ký kết hợp đồng trả góp. Sau khi hồ sơ đề nghị mua trả góp được bên phía Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt N (gọi tắt là Công ty Home Credit Việt N) phê duyệt thì Công ty Home Credit Việt N giao kết hợp đồng với Q (lúc này đang giả mạo là Nguyễn Đức T). Theo hợp đồng đã ký kết thì tổng số tiền vay là 17.676.000 đồng bao gồm: Khoản trả trước cho bên bán là 16.995.000 đồng, phí bảo hiểm 681.000 đồng; bên vay phải trả 2.221.000 đồng vào ngày 18 của hàng tháng, hạn thanh toán cuối cùng đến ngày 18/8/2019. Sau khi Q ký kết hợp đồng T đã liên hệ với Nguyễn Giang N, SN: 1992, HKTT: Số 14/466 Hoàng Hoa Thám, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội bán chiếc điện thoại trên để hưởng chênh lệch, N đồng ý mua chiếc điện thoại với giá 26.000.000 đồng. T bảo N đến cửa hàng Thế giới di động để thanh toán số tiền trả trước là 16.995.000 đồng, sau đó N rủ Lê Huy Hoàng, SN: 1995, HKTT: 292 Khâm Thiên – Đống Đa - Hà Nội đến cửa hàng, còn T thì đi ra ngoài, N sử dụng thẻ ATM để thanh toán số tiền 15.995.000 đồng (cửa hàng có chương trình khuyến mại 1.000.000 đồng tiền mua điện thoại) và cầm máy đi. Khi

N và Q đi ra bên ngoài cửa hàng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, thu giữ điện thoại và yêu cầu N, Q, T về trụ sở Công an để làm rõ.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Giang N khai N không biết và T cũng không nói cho N biết về việc T và Q sử dụng giấy tờ giả để mua trả góp chiếc điện thoại. Số tiền 15.995.000 đồng mà N sử dụng để mua điện thoại là của anh Mai T Đ, SN: 1988, HKTT: số 9 ngõ 35 Đoàn Thị Điểm – Quốc Tử Giám – Đống Đa – Hà Nội chuyển cho N. Sau khi T gọi điện thoại cho N để bán điện thoại, N đã gọi cho anh Đ để bán lại với số tiền 27.000.000 đồng để hưởng chênh lệch 1.000.000 đồng, anh Đ đồng ý. Anh Đ đã chuyển khoản cho N ngay sau đó vào tài khoản của N số 0451000316402 mở tại ngân hàng Vietcombank.

Tại cửa hàng thế giới di động, anh Nguyễn Hoàng Dương, SN: 1991, HKTT: Tổ 2 – Giang Biên – Long Biên – Hà Nội là đại diện Công ty cổ phần Thế giới di động đã cung cấp cho Cơ quan công an: 01 biên nhận thu tiền mã phiếu: 00352S01812188191 của khách hàng: Nguyễn Đức T giao tại cửa hàng hồi 15h35' ngày 18/12/2018.

Anh Bùi Ngọc S, SN: 1981, HKTT: Số 3 ngách 20/8 Nguyễn Viết Xuân, Khương Mai., Thanh Xuân, Hà Nội là đại diện theo uỷ quyền của Công ty H đã gửi đơn trình báo sự việc trên đến Công an phường Bồ Đề - Long Biên đề nghị xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật. Anh S đã giao nộp cho Cơ quan công an: 01 Đề nghị vay vốn kèm bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử số 3805312512; 01 hợp đồng tính dụng tiêu dùng trả góp mã CDS3110A; 01 thoả thuận trọng tài mã VO2COAB3805312512Y; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo an tín dụng số: 3805312512; 01 bản tóm tắt nội dung quy tắc bảo hiểm bảo an tín dụng; 01 bản ảnh mang tên Nguyễn Đức T.

Quá trình điều tra xác định làm rõ: anh Nguyễn Đức T, SN: 1991, HKTT: Thôn Hoà Bình – Đôn Nhân – Lập Thạch đã bị mất làm rơi chiếc ví bên trong có: 01 giấy chứng minh nhân dân số 0135630707 và 02 giấy phép lái xe (mô tô và ô tô) trên đó có ảnh của anh T. Anh T đã tìm lại nhưng không được nên đã đi làm lại căn cước công dân để sử dụng. Anh T cũng khẳng định Giấy phép lái xe mô tô số AT.08249 không phải là của anh T và anh T không biết gì về sự việc trên. Anh T đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra các bản phô tô có chữ ký của anh T tại các T tài liệu: 01 bản phô tô Hộ chiếu số C4066049 do Cục quản lý Xuất nhập cảnh cấp ngày 31/10/2017; 01 sổ hộ khẩu số 630062105 do Công an huyện Lập Thạch – Vĩnh Phúc cấp.

Tại kết luận giám định số 576 ngày 24/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an T phố Hà Nội kết luận:

- Chữ ký dạng viết tên “T”, chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Đức T” dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (01 “Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp” số 3805312512, bên cho vay: Công ty H, bên vay: Nguyễn Đức T đề ngày 18/12/2018.; 01 “Thỏa thuận trọng tài”, bên vay: Nguyễn Đức T, đề ngày 18/12/2018; 01 “ Đề nghị vay vốn kiêm bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử”, tên người vay: Nguyễn Đức T, đề ngày 18/12/2018; 01 “Giấy chứng nhận bảo hiểm Bảo an tín dụng” số 3805312512, người được bảo hiểm đứng tên Nguyễn Đức T, đề ngày 18/12/2018; 01 “bảng tóm tắt nội dung quy tắc bảo hiểm bảo an tín dụng”, không đề ngày tháng năm; 01 “Biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng” khách hàng đứng tên Nguyễn Đức T) với chữ viết đứng tên Phạm Hồng Q trên các mẫu so sánh (03 “Bản kiểm điểm” đứng tên Phạm Hồng Q đề ngày 18/12/2018, 19/12/2018); chữ ký dòng họ tên Nguyễn Đức T dưới chữ ký trên mẫu so sánh (01 bản chữ ký, chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Đức T” do Phạm Hồng Q Viết, đề ngày 18/12/2018) là chữ do cùng một người viết ra.

- “ Giấy chứng minh nhân dân” số 135630707 mang tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 27/04/1991; nơi ĐKKH thường trú: Đôn Nhân, Sông Lô, Vĩnh Phúc, ngày cấp: 24/02/2014 có dấu vết bóc tách thay ảnh. Hình dấu, chữ ký hiện phòng PC09 – CATp Hà Nội không có mẫu nên không tiến hành giám định.

- “Giấy phép lái xe” số AT 082049; họ tên Nguyễn Đức T; năm sinh: 1991; Nơi cư trú: Đôn Nhân, Sông Lô, Vĩnh Phúc, ngày cấp 29/9/2011 là **giấy phép lái xe giả**.(BL 72-73).

Đối với Nguyễn Giang N, tại cơ quan điều tra N khai N không biết và T cũng không nói cho N biết về việc T và Q sử dụng giấy tờ giả để mua trả góp chiếc điện thoại. Vì vậy việc Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N là có căn cứ.

Đối với Lê Huy Hoàng, tại cơ quan điều tra Hoàng khai:Hoàng được N rủ đi cùng để kiểm tra điện thoại hộ N, cụ thể việc mua, bán như thế nào thì Hoàng không biết và cũng không được hưởng lợi gì từ việc này. Vì vậy việc Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hoàng là có căn cứ.

Về dân sự: Đối với số tài sản thu giữ của N gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i màu đen BKS: 29F1 – 210.74, 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng và số tiền 9.445.000 đồng, không liên quan đến vụ án vì vậy cơ quan cảnh sát

điều tra ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả toàn bộ số tài sản trên cho N là có căn cứ. Ngoài ra, N yêu cầu T phải trả lại số tiền 15.995.000 đồng mà N đã trả cho cửa hàng thế giới di động khi mua điện thoại. Đại diện của Công ty Home Credit Việt N yêu cầu T và Q trả lại toàn bộ số tiền 17.676.000 đồng là số tiền công ty đã chi trả cho Cửa hàng thế giới di động. Đối với chiếc điện thoại Iphone Xsmax thu giữ của N là tang vật của vụ án chuyển kho tang vật Cơ quan thi hành án dân sự Quận Long Biên để xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 61/CT- VKS ngày 11/03/2019 Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T T khẩn khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng. Bị cáo T thừa nhận là người chủ mưu, khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội. Bị cáo Q trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đều không kêu oan, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Nguyên đơn dân sự là Công ty H do anh Bùi Ngọc S làm đại diện đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T phải trả cho Công ty số tiền 17.676.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Anh S thừa nhận một phần lỗi do nhân viên Công ty H không xem xét kỹ lưỡng các giấy tờ do bị cáo Q xuất trình làm cơ sở để ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp và các giấy tờ khác có liên quan.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Giang N đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T phải trả số tiền 15.995.000 đồng mà anh đã trả cho Công ty cổ phần T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến đề nghị Toà án cho tịch thu tiêu huỷ 01 chứng minh nhân dân số 135630707 mang tên Nguyễn Đức T nhưng dán ảnh bị cáo Phạm Hồng Q vì không còn giá trị sử dụng, còn giấy phép lái xe không phải của anh. Anh T không có yêu cầu gì về dân sự

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Mai Thành Đ vắng mặt không có lý do

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên duy trì công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo,

xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, (Đối với bị cáo Q áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự); Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

“Xử phạt Phạm Hồng Q mức án từ **20 đến 24** tháng tù.

Trịnh Thị Thu T mức án từ **18 đến 20** tháng tù.

*** Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt tiền cho các bị cáo

*** Về xử lý tang vật:** Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng Q 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs max nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

Trả lại cho bị cáo T 02 điện thoại Nokia 105 màu đen và trả lại cho bị cáo Q 01 chiếc điện thoại Nokia – 1280 màu xanh đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu huỷ 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Đức T

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH MTV H số tiền 16.995.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty H buộc bị cáo Q và T phải trả số tiền phí bảo hiểm là 681.000 đồng do có một phần lỗi trong việc ký kết hợp đồng và các giấy tờ khác có liên quan.

Buộc bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Giang N số tiền 15.995.000 đồng.

Trả lại cho anh Nguyễn Giang N 01 thẻ ATM Vietcombank

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi tố tụng của Cơ quan CSĐT- Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật. Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Đơn trình báo, lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên.

Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/12/2018, bằng thủ đoạn gian dối Trịnh Thị Thu T đã dùng chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên anh Nguyễn Đức T nhưng dán ảnh bị cáo Phạm Hồng Q để Q sử dụng làm thủ tục mua trả góp chiếc điện thoại Iphone XSmax trị giá 33.900.000 đồng của Công ty cổ phần Thế giới di động, nhằm lừa đảo chiếm đoạt số tiền Công ty Hcho vay trả góp là 17.676.000 đồng

Hành vi của bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân đối với cơ quan bảo vệ pháp luật.

Xét vai trò các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng chỉ mang tính chất giản đơn, bị cáo Trịnh Thị Thu T đóng vai trò chủ mưu, khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo Q và chuẩn bị công cụ phạm tội, còn bị cáo Q đóng vai trò đồng phạm giúp sức tích cực, trực tiếp thực hiện hành phạm tội.

Xét nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với bị cáo T có 01 tiền án : Bản án số 68/2016/HSST ngày 12/04/2016, Toà án nhân dân quận Long Biên xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Tiền án này đã được xoá. Đối với bị cáo Q có 01 tiền án: Bản án số 43/2018/HSST ngày 22/03/2018, Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ra trại ngày 13/05/2018. Bản án này chưa được xoá, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Điều đó chứng tỏ các bị cáo có

nhân thân xấu, các bị cáo đã được cơ quan pháp luật giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo T khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do đó giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

* Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng....”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về dân sự:

Xét Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số 3805312512 ngày 18/12/2018 và các giấy tờ khác có liên quan giữa Công ty H và anh Nguyễn Đức T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng này vô hiệu do chủ thể ký kết hợp đồng mang tên anh Nguyễn Đức T nhưng thực chất là bị cáo Phạm Hồng Q dùng chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên anh T nhưng dán ảnh bị cáo Q, dùng để ký kết hợp đồng mục đích nhằm chiếm đoạt số tiền vay của Công ty H. Do đó Hợp đồng tín dụng nêu trên không hiệu lực thi hành, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Cần buộc bị cáo Q và bị cáo T liên đới chịu trách nhiệm trả cho Công ty H số tiền 16.995.000 đồng. Hợp đồng tín dụng trên vô hiệu cũng cần xác định một phần lỗi do Công ty Home Credit Việt N không xem xét kỹ lưỡng các giấy tờ do bị cáo Q xuất trình do đó không chấp nhận số tiền phí bảo hiểm là 681.000 đồng

Xét giao dịch dân sự giữa anh Nguyễn Đức T thực chất là bị cáo Phạm Hồng Q và Công ty cổ phần T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty cổ phần T thực hiện giao dịch dân sự ngay tình do đó cần xác định giao dịch dân sự này đã hoàn T, chiếc điện thoại di động Iphone XS max đã thuộc quyền sở hữu của bị cáo Q từ thời điểm nhân viên của Công ty T giao điện thoại cho bị cáo Q. Do đó cần trả lại cho bị cáo Q chiếc điện thoại này.

Xét giao dịch dân sự giữa anh Nguyễn Giang N và bị cáo T, Hội đồng xét xử nhận thấy anh N là người thực hiện giao dịch ngay tình, do đó cần buộc bị cáo Q và

T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho anh N số tiền đã thanh toán cho Công ty cổ phần T là 15.995.000 đồng.

Xét giao dịch dân sự giữa anh Nguyễn Giang N và anh Mai Thành Đ về việc mua lại chiếc điện thoại Iphone XS max với giá 27.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là giao hợp pháp. Tuy nhiên việc giao dịch này chưa thực hiện xong, anh N chưa chuyển giao tài sản cho anh Đ. Tại Cơ quan điều tra, anh Đ xác nhận đã được anh N trả lại đầy đủ số tiền 27.000.000 đồng do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có yêu cầu khác anh Đ có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự.

* Xử lý tang vật: Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng Q 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Nokia 105 màu đen mất lắp sau mặt trước nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Nokia 105 màu đen của bị cáo T và 01 chiếc điện thoại Nokia – 1280 màu xanh đen của bị cáo Q, dùng để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu huỷ 01 chứng minh nhân dân số 135630707 và 01 giấy phép lái xe mô tô số AT.082049 đều mang tên Nguyễn Đức T

Trả lại cho anh Nguyễn Giang N 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank có số thẻ 9704366808549134023

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự và đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ, cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định tại Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự phải chịu án phí không giá ngạch phần không được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định của pháp luật. Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, (Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q); Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự

Áp dụng Điều 122, 124, 131 và Điều 407 Bộ luật dân sự

Áp dụng Điều 106, Điều 135, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

“Xử phạt Phạm Hồng Q 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2018

Trịnh Thị Thu T 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2018

*** Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt tiền cho bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T.

*** Về dân sự:** Buộc bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH MTV H số tiền 16.995.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty tài chính TNHH MTV H buộc bị cáo Q và T phải trả phí bảo hiểm là 681.000 đồng (Sáu trăm tám mươi một nghìn đồng)

Buộc bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Giang N số tiền 15.995.000 đồng (Mười lăm triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng)

Giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự cho anh Mai Thành Đ đối với anh Nguyễn Giang N khi có yêu cầu

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Về xử lý tang vật:**

Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng Q 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Nokia 105 màu đen mất nắp sau mặt trước nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Nokia 105 màu đen của bị cáo T và 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen xanh của bị cáo Q

Tịch thu tiêu huỷ 01 chứng minh nhân dân số 135630707 và 01 giấy phép lái xe mô tô số AT.082049 đều mang tên Nguyễn Đức T

Trả lại cho anh Nguyễn Giang N 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank có số thẻ 9704366808549134023

Toàn bộ vật chứng hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên và Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên ngày 12/03/2019.

*** Về án phí:** Bị cáo Phạm Hồng Q và Trịnh Thị Thu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 824.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty tài chính TNHH MTV H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Giang N có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần T, anh Nguyễn Đức T và anh Mai Thành Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP HN;

- VKS, CA, Chi cục THADS quận Long Biên

- Thi hành án hình sự;

- Bị cáo; NDDS, NLQ

- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu